

Số: 01/2025/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 10 tháng 6 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Đồng Nai năm 2023, giai đoạn 2023-2025

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025.

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Xét Tờ trình số 101/TTr-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Đồng Nai năm 2023, giai đoạn 2023-2025; Báo cáo thẩm tra số 317/BC-BKTNS ngày 04 tháng 6 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Đồng Nai năm 2023, giai đoạn 2023-2025.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Đồng Nai năm 2023, giai đoạn 2023-2025.

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Đồng Nai năm 2025, giai đoạn 2023-2025.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc phân cấp và chấp hành dự toán thu ngân sách nhà nước thuộc cấp tỉnh và cấp xã”.

2. Bãi bỏ cụm từ “cấp huyện” tại khoản khoản 3 và khoản 6 Điều 2.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm phân chia giữa các cấp ngân sách

1. Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt và các khoản tiền chậm nộp tương ứng:

a) Thu từ doanh nghiệp nhà nước trung ương, doanh nghiệp nhà nước địa phương và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 50%.

b) Thu từ doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 50%.

Riêng thu từ các hộ gia đình, cá nhân (bao gồm thu tiền chậm nộp): Ngân sách cấp xã hưởng 50%.

2. Thuế thu nhập cá nhân (bao gồm thu tiền chậm nộp): Ngân sách tỉnh hưởng 50%.

3. Thuế bảo vệ môi trường (bao gồm thu tiền chậm nộp), trừ thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu: Ngân sách tỉnh hưởng 50%.

Riêng thu thuế bảo vệ môi trường đối với sản phẩm xăng, dầu thực hiện theo khoản 5 Điều 3 Nghị quyết số 70/2022/QH15 ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2023 quy định: *“Phân chia thuế bảo vệ môi trường đối với sản phẩm xăng, dầu giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước đối với năm 2023 và ổn định cho giai đoạn 2023-2025 trên cơ sở sản lượng xăng, dầu sản xuất, bán ra trong nước so với tổng sản lượng xăng, dầu tiêu thụ trên thị trường, cụ thể: 60% thực hiện phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, 40% còn lại thực hiện điều tiết 100% về ngân sách trung ương”*. Trong quá trình điều hành ngân sách thực hiện theo các quy định hiện hành hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

4. Thu tiền sử dụng đất, bao gồm tiền chậm nộp:

a) Ngân sách cấp tỉnh được hưởng 100% để chi đầu tư phát triển.

b) Đối với khoản thu tiền sử dụng đất thuộc Dự án Cảng hàng không Quốc tế Long Thành (theo khoản 4 Điều 2 Nghị quyết số 53/2017/QH ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội về Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Cảng hàng không quốc tế Long Thành): Ngân sách trung ương hưởng 100%.

c) Trường hợp ghi thu, ghi chi: Ngân sách cấp nào thực hiện ngân sách cấp đó hưởng 100%.

d) Đối tiền sử dụng đất nộp tương đương với giá trị quỹ đất 20% thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 78 Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội quy định: “*Đối với các trường hợp dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại có quy mô dưới 10 ha, chủ đầu tư dự án đã được chấp thuận thực hiện nghĩa vụ nhà ở xã hội theo hình thức nộp bằng tiền trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng đến thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành mà chủ đầu tư chưa nộp tiền thì chủ đầu tư thực hiện nộp tiền tương đương với giá trị tiền sử dụng đất của phần 20% diện tích đất ở của dự án đã đầu tư hạ tầng kỹ thuật tính theo quy định pháp luật về đất đai tại thời điểm cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản chấp thuận cho phép chủ đầu tư được thực hiện nghĩa vụ nhà ở xã hội theo hình thức nộp bằng tiền*”. Trường hợp trong quá trình điều hành ngân sách thực hiện theo các quy định hiện hành hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

5. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và tiền chậm nộp thực hiện theo Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ và Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ):

a) Giấy phép do cơ quan trung ương cấp: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 30%.

b) Giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%

Trong quá trình điều hành ngân sách thực hiện theo các quy định hiện hành hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

6. Khoản thu thuế tài nguyên và tiền chậm nộp (trừ thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí): Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.

7. Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.

8. Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước và tiền chậm nộp: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.

Trường hợp ghi thu, ghi chi: Ngân sách cấp nào thực hiện ngân sách cấp đó hưởng 100%.

Riêng tiền cho thuê đất thuộc Dự án Cảng hàng không Quốc tế Long Thành (theo khoản 4 Điều 2 Nghị quyết số 53/2017/QH ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội): Ngân sách trung ương hưởng 100%.

Trong quá trình điều hành ngân sách thực hiện theo các quy định hiện hành hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

9. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, thuế sử dụng đất nông nghiệp:

Cơ quan thuế quản lý thu: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.

Xã, phường quản lý thu: Ngân sách cấp xã hưởng 100%.

Riêng tiền chậm nộp: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%

10. Thu lệ phí trước bạ: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.

Riêng lệ phí trước bạ nhà đất (bao gồm tiền chậm nộp): Ngân sách cấp tỉnh hưởng 50%, ngân sách cấp xã hưởng 50%

11. Các loại phí, lệ phí (bao gồm tiền chậm nộp) do cơ quan cấp nào tổ chức thu thì cơ quan đó hưởng 100%. Riêng các trường hợp sau không thực hiện trích theo tỷ lệ trên, cụ thể:

a) Lệ phí môn bài: Ngân sách cấp xã hưởng 100%.

b) Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, khí thải: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.

c) Lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị phương tiện giao thông: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.

12. Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.

13. Các khoản thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản: Ngân sách cấp xã hưởng 100%.

14. Thu khác ngân sách:

a) Thu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa; phạt, tịch thu khác: Cơ quan nhà nước thuộc cấp nào quyết định thì ngân sách cấp đó được hưởng 100%.

b) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu nhà nước: Cơ quan nhà nước cấp nào quyết định thì ngân sách cấp đó được hưởng 100%.

c) Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.

d) Các khoản thu còn lại: Cơ quan nhà nước cấp nào quyết định thì ngân sách cấp đó được hưởng 100% (trừ các khoản thuộc thẩm quyền quy định tỷ lệ điều tiết riêng theo quy định).

15. Các khoản thu sự nghiệp; thu kết dư; thu chuyển nguồn; thu bổ sung từ ngân sách cấp trên; thu huy động, đóng góp viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân (trừ các khoản thuộc thẩm quyền quy định tỷ lệ điều tiết riêng) thuộc ngân sách cấp nào thì ngân sách cấp đó hưởng 100%.

16. Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên ngân sách cấp tỉnh hưởng 100% (do cấp xã là cấp thấp nhất trong hệ thống tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)

17. Thu từ lĩnh vực xổ số kiến thiết; thu từ quỹ dự trữ tài chính; thu huy động vốn đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng theo quy định tại Khoản 6 Điều 7 Luật Ngân sách nhà nước: Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%”.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện tại các Kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Trong quá trình điều hành ngân sách các quy định tại Nghị quyết này khác với các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản của cơ quan quản lý cấp trên thì thực hiện theo các quy định đó hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Nghị quyết này bãi bỏ Nghị quyết số 27/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều 4 Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Đồng Nai năm 2023, giai đoạn 2023-2025.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa X, kỳ họp thứ 28 thông qua ngày 10 tháng 6 năm 2025. / phước

Nơi nhận: 6/1

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB.QPPL và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Bí thư Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Nai;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh và các đoàn thể;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- VKSND, TAND, CTHADS tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện và cấp xã;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Đồng Nai, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu: VT, Phòng CTHĐND.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Thị Bích Hằng